TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2023/DS-ST
Ngày: 15/8/2023
"V/v Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn khắc Vĩnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Quảng
Bà Nguyễn Thị Kim Trình

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc "Kiện đòi tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Đình Hòa, sinh năm 1961
Địa chỉ: Khu 8, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Đinh Văn Tuấn, sinh năm 1976
Và vợ là chị Đinh Thị Hạnh, sinh năm 1976
Người đại diện theo ủy quyền của chị Hạnh: Anh Đinh Văn Tuấn, sinh năm 1976
Đều có địa chỉ: Khu 11, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Huê, sinh năm 1969
Người đại diện theo ủy quyền của bà Huê: Ông Bùi Đình Hòa, sinh năm 1961
Đều có địa chỉ: Khu 8, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.
(*Ông Hòa, anh Tuấn có mặt, chị Hạnh, bà Huê vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Bùi Đình Hòa trình bày:

Từ năm 2018 đến hết năm 2019 vợ chồng ông Hòa bà Huê có bán cho vợ chồng anh Đinh Văn Tuấn và chị Đinh Thị Hạnh cám chăn nuôi gia súc nhiều lần, có lần thì anh chị thanh toán, có lần thì nợ lại. Mỗi khoản nợ vợ chồng ông đều có ghi sổ nợ và anh Tuấn, chị Hạnh có ký sổ nợ. Tính đến ngày 01/01/2020 hai bên

thống nhất chốt tổng số nợ của anh chị Tuấn Hạnh còn lại là 5.600.000đ là số tiền hai bên tính nhầm cho ông Hòa không tính lãi và 34.048.000đ hai bên thỏa thuận tính lãi 1%/tháng (ông Hòa chỉ tính lãi 34.000.000đ), tính đến ngày 01/01/2022 hai bên cộng sổ anh Tuấn, chị Hạnh còn nợ 47.808.000 đ(bốn mươi bảy triệu tám trăm linh tám nghìn đồng) cả gốc và lãi, ngày 19/01/2022 chị Hạnh trả 490.000đ trừ vào nợ gốc không tính lãi còn lại 47.318.000 đ, vợ chồng ông Hòa đòi nhiều lần nên ngày 20/02/2022 anh Tuấn lại khất trong năm 2022 sẽ thanh toán đủ gốc cho ông Hòa, lãi tính 1%/ trả hàng tháng, anh Tuấn có ký xác nhận trong sổ nợ. Tuy nhiên từ đó cho đến nay anh chị Tuấn Hạnh không trả cho vợ chồng ông Hòa khoản tiền nào mặc dù vợ chồng ông đã nhắc và đòi nhiều lần. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Tuấn chị Hạnh phải trả cho vợ chồng ông tính đến ngày 01/01/2022 nợ gốc và lãi là 47.318.000 đ. Yêu cầu anh Tuấn chị Hạnh phải trả lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc là 34.000.000đ theo mức lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng tính từ ngày 01/01/2022 đến khi xét xử sơ thẩm, còn số nợ gốc 5.158.000đ (5.110.000 + 48.000) ông Hòa bà Huê không yêu cầu tính lãi.

**** Bị đơn - Anh Đinh Văn Tuấn và chị Đinh Thị Hạnh thống nhất trình bày:***

Từ năm 2018 đến hết năm 2019 vợ chồng anh có mua cám của ông Hòa bà Huê, mua nhiều lần theo dõi trên sổ sách . Tính đến ngày 19/01/2022 vợ chồng anh chị còn nợ ông Bùi Đình Hòa và bà Nguyễn Thị Huê số tiền nợ gốc và lãi là 47.318.000 đ như ông Hòa trình bày là đúng, trong đó 5.158.000đ không tính lãi và 34.000.000đ hai bên thỏa thuận tính lãi trậm trả 1%/tháng, nợ lãi là 8.160.000đ như ông Hòa bà Huê trình bày là đúng. Nay ông Hòa bà Huê khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh chị phải trả toàn bộ số nợ trên anh Tuấn, chị Hạnh hoàn toàn đồng ý tuy nhiên hiện nay do hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn nên anh chị không thể thu xếp trả toàn bộ số tiền nợ cho ông bà Hòa Huê được. Anh chị đề nghị ông Hòa bà Huê cho anh chị được trả nợ dần từ nay đến 31/12/2023, anh chị sẽ trả đủ số nợ gốc và lãi tính đến ngày 01/01/2022 là 47.318.000 đ; về yêu cầu trả lãi trên số nợ 34.000.000đ tính từ ngày 01/01/2022 đến khi xét xử, do điều kiện làm ăn bị thua lỗ, thất thoát nên vợ chồng anh chị xin ông bà Hòa Huê không phải trả số tiền lãi nữa, nếu ông Hòa bà Huê vẫn yêu cầu tính lãi thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật..

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan- Bà Nguyễn Thị Huê trình bày:***

Bà Huê thống nhất như quan điểm của nguyên đơn, bà yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Tuấn chị Hạnh phải trả cho vợ chồng ông bà tính đến ngày 19/01 /2022 nợ gốc và lãi là 47.318.000 đ. Yêu cầu anh Tuấn chị Hạnh phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc là 34.000.000đ theo mức lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng

tính từ ngày 01/01/2022 đến khi xét xử sơ thẩm, còn số nợ gốc 5.158.000đ (5.110.000 + 48.000) bà Huê không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn- Ông Bùi Đình Hòa; Bị đơn-Anh Đinh Văn Tuấn, chị Đinh Thị Hạnh đều có HKTT và cư trú tại huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Ông Hòa khởi kiện anh Tuấn, chị Hạnh tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, yêu cầu anh Tuấn, chị Hạnh trả chị tiền mua cám chăn nuôi còn nợ, theo giấy chốt nợ ngày 01/01/2020 và ngày 19/01/2022. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Vụ án dân sự không thuộc trường hợp qui định tại khoản 2 Điều 21-BLTTDS nên Viện Kiểm Sát không tham gia phiên tòa là đúng qui định.

Bà Huê và chị Hạnh vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền cho bà Huê là ông Hòa và người đại diện theo ủy quyền cho chị Hạnh là anh Tuấn đều có mặt, HĐXX xét xử vắng mặt bà Huê và chị Hạnh là đúng quy định tại khoản 2 Điều 228 của BLTTDS.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Căn cứ và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cùng quan điểm của các đương sự trong quá trình tố tụng tại Tòa án đã chứng minh: Năm 2018 và 2019, vợ chồng ông Bùi Đình Hòa, bà Nguyễn Thị Huê và vợ chồng anh Đinh Văn Tuấn, chị Đinh Thị Hạnh thỏa thuận miệng thực hiện giao dịch mua, bán cám chăn nuôi, theo đó ông Hòa, bà Huê là người bán hàng, anh Tuấn, chị Hạnh là người mua hàng. Quá trình thực hiện giao dịch hai bên ghi sổ theo dõi mua bán sau đó cùng chốt nợ vào ngày 01/01/2020 anh chị Tuấn Hạnh còn nợ ông Hòa, bà Huê là 34.048.000đ, thực chất là số tiền anh Tuấn, chị Hạnh còn nợ lại ông Hòa, bà Huê trong giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi lợn, được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận giữa vợ chồng ông Hòa và vợ chồng anh Tuấn. Theo nội dung thể hiện trên sổ theo dõi việc mua bán và được ông Hòa, bà Huê và anh Tuấn, chị Hạnh xác nhận thì đến ngày 01/01/2020 hai bên chốt nợ, anh chị Tuấn Hạnh còn nợ ông Hòa, bà Huê là 34.048.000đ, do anh chị Tuấn Hạnh không trả nợ được nên hai bên thỏa thuận tính lãi 1%/tháng (Ông Hòa bà Huê chỉ tính lãi 34.000.000đ). Ngoài ra hai bên xác nhận quá trình mua bán còn tính thiếu của ông Hòa 01 bao cám = 560.000đ và tính nhầm 20 bao cám = 5.600.000đ thành 560.000đ, còn thiếu của ông Hòa 5.040.000đ, cả hai khoản tính thiếu của ông Hòa là 5.600.000đ, số tiền này hai bên không tính lãi. Ngày 01/01/2022 hai bên chốt lại anh Tuấn, chị Hạnh còn nợ 47.808.000đ, ngày 19/01/2022 chị Hạnh trả cho ông Hòa 490.000đ trừ vào số tiền nợ không tính lãi.

Như vậy tính đến ngày 19/01/2022 anh chị Tuấn Hạnh còn nợ ông Hòa bà Huê 47.318.000đ. Trong đó nợ gốc có thỏa thuận tính lãi chậm trả 1%/tháng là 34.000.000đ, tiền nợ gốc không tính lãi là 5.158.000đ, nợ lãi 8.160.000đ, ngày 20/02/2022 anh Tuấn khất trong năm 2022 sẽ trả đủ gốc và lãi trả hàng tháng

nhưng sau đó anh Tuấn chị Hạnh không trả . Nay ông Hòa yêu cầu anh Tuấn, chị Hạnh phải trả lại cho ông bà toàn bộ nợ gốc và nợ lãi trên. Anh Tuấn, chị Hạnh đều xác nhận có nợ ông Hòa bà Huê số nợ như ông Hòa yêu cầu là đúng và đồng ý trả cho ông Hòa bà Huê, tuy nhiên do điều kiện làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn nên xin được trả dần đến 31/12/2023 sẽ trả đủ số nợ trên cho ông Hòa bà Huê.

Do anh Tuấn, chị Hạnh vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Hòa khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Tuấn phải trả ông bà số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ lại là 39.158.000đ và lãi phát sinh theo thỏa thuận là có căn cứ qui định tại Điều 440- BLDS.

[3]. *Về yêu cầu tính lãi*: Như đã phân tích tại Mục [2], Khi xác nhận nợ giữa ông Hòa, bà Huê và anh Tuấn, chị Hạnh là số tiền anh Tuấn, chị Hạnh còn nợ ông Hòa, bà Huê trong giao dịch mua bán tài sản và có thỏa thuận về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ 1%/tháng/số tiền chậm trả là phù hợp qui định tại khoản 2 Điều 357; Khoản 3 Điều 440- BLDS. Lúc đầu ông Hòa, bà Huê yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận trên số tiền chậm trả tính ngày 19/1/2022 là 47.318.000đ đến khi xét xử, anh chị Tuấn Hạnh cũng đồng ý theo yêu cầu của ông Hòa bà Huê. Tuy nhiên sau đó ông Hòa, bà Huê có đề nghị lại và tại phiên tòa ông Hòa chỉ yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm trả là 34.000.000đ tính từ ngày 01/01/2022 đến khi xét xử. Thực tế vợ chồng ông Hòa và vợ chồng anh Tuấn chốt nợ ngày 01/01/2020 hai bên thỏa thuận tính lãi chậm trả đối với số tiền nợ 34.000.000đ là 1%/1 tháng và từ đó đến nay anh Tuấn chị Hạnh chưa trả gốc và lãi cho ông Hòa bà Huê, do vậy chỉ cần tính lãi theo thỏa thuận từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử mà không cần tính ra từng giai đoạn là phù hợp.

[4]. Về quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phù hợp với quan điểm của Nguyên đơn và đã được đánh giá, xem xét tại Mục [2]; [3]

[5].Từ những nhận định tại Mục [2]; [3]; [4], HĐXX đủ cơ sở để kết luận: Yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đình Hòa là có căn cứ qui định tại các Điều 430, Điều 440 - BLDS 2015. Cần buộc anh Đinh Văn Tuấn và chị Đinh Thị Hạnh có nghĩa vụ phải trả cho ông Bùi Đình Hòa và bà Nguyễn thị Huê tổng số tiền làm tròn 53.936.600đ (Năm mươi ba triệu chín trăm ba sáu nghìn sáu trăm đồng), trong đó: Số tiền gốc 39.158.000đồng (Ba chín triệu một trăm năm tám nghìn đồng); Tiền lãi tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm làm tròn là 14.778.600đ (Mười bốn triệu bảy trăm bảy tám nghìn sáu trăm đồng), (34.000.000đ x 1% x 43 tháng 14 ngày = 14.778.600đ).

[6] *Về án phí và quyền kháng cáo:* Yêu cầu khởi kiện của ông Hòa được chấp nhận nên anh Đinh Văn Tuấn và chị Đinh Thị Hạnh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 440 - Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Đình Hòa

Buộc anh Đinh Văn Tuấn và chị Đinh Thị Hạnh có nghĩa vụ phải trả cho ông Bùi Đình Hòa và bà Nguyễn Thị Huê tổng số tiền làm tròn 53.936.600đ (Năm mươi ba triệu chín trăm ba sáu nghìn sáu trăm đồng), trong đó: Số tiền nợ gốc 39.158.000đồng (Ba chín triệu một trăm năm tám nghìn đồng); Tiền lãi chậm trả làm tròn là 14.778.600đ (Mười bốn triệu bảy trăm bảy tám nghìn sáu trăm đồng), (34.000.000đ x 1% x 43 tháng 14 ngày = 14.778.600đ).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đối với số tiền có thỏa thuận về việc trả lãi và kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền không thỏa thuận về việc trả lãi, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

2.Về án phí dân sự: Vợ chồng anh Đinh Văn Tuấn và chị Đinh Thị Hạnh phải nộp 2.696.800đ (Hai triệu sáu trăm chín sáu nghìn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Sơn;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Khắc Vĩnh